

Bản án số: 120/2026/HSST
Ngày: 26/5/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Go Chừ; Bà Trương Thế Phương Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Văn Thắng- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lai Châu tham gia phiên tòa:
Bà Lò Thị Kẻo- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở TAND khu vực 4- Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 127/2026/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2026/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. **Ly Hà G**, sinh năm 1996, tại **xã B, tỉnh Lai Châu**.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: **Bản Đ, xã B, tỉnh Lai Châu**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 0/12; Chức vụ đoàn thể, chính quyền: Không; Dân tộc: La Hủ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: **Ly Xạ G1** (đã chết), con bà **Ly Mỹ L**, sinh năm 1961; Bị cáo có vợ: Vàng **Lò B**, sinh năm 1997 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2023; Tiền án: 01 tiền án chưa được xóa án tích, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2026 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Mường Tè thuộc trại tạm giam **Công an tỉnh L**. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Ly Chờ X**, sinh năm 1994, tại **xã B, tỉnh Lai Châu**.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: **Bản P, xã B, tỉnh Lai Châu**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Chức vụ đoàn thể, chính quyền: Không; Dân

tộc: La Hủ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ly Gió H (đã chết), con bà Phùng Mì P, sinh năm 1971; Bị cáo có vợ: Phán Cá N, sinh năm 1999 (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2026 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Mường Tè thuộc trại tạm giam Công an tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

3. Ly Mé H1, sinh năm 1998, tại xã B, tỉnh Lai Châu.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản A, xã B, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Chức vụ đoàn thể, chính quyền: Không; Dân tộc: La Hủ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ly C, sinh năm 1973, con bà Vàng Lò B1, sinh năm 1973; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2026 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Mường Tè thuộc trại tạm giam Công an tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo: Bà Nông Thị Minh H2- Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 08/01/2026, tại khu vực bản Đầu Nậm Xả, xã B, tỉnh Lai Châu, Ly H đã gặp và mua được của một người đàn ông dân tộc La Hủ lạ mặt 01 gói Heroine được gói ngoài bằng mảnh nilon màu hồng, bên trong có chứa 13 gói Heroine đều được gói ngoài bằng mảnh nilon màu trắng với giá 300.000 đồng. Mua được H3, Giá cất giấu trong túi áo khoác bên phải mà G đang mặc rồi tiếp tục đi bộ về nhà, về đến nhà G lấy 01 gói Heroine ra sử dụng hết (hít). Số H3 còn lại Giá cất giấu trong ống nứa trên vách phía sau nhà bếp của gia đình G không cho ai biết.

Khoảng 11 giờ ngày 09/01/2026, khi G đang ở nhà một mình thì có Ly C điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, không gắn biển kiểm soát chở Ly Mé H1 đến nhà G (X quen biết với G từ trước). Trước khi đến nhà G, X và H1 rủ nhau góp nhau mỗi người 300.000 đồng (tổng cộng 600.000 đồng) mục đích để cùng nhau đến khu vực bản Đ, xã B, tỉnh Lai Châu tìm mua Heroine mang về chia nhau sử dụng. Khi X và H1 đi vào trong nhà thì thấy G đang ở trong bếp, X hỏi: “Anh có Heroine bán không?”. G trả lời: “Có, đưa tiền đây cho anh”. X

đưa cho G số tiền 600.000 đồng (tiền của X và H1 góp nhau) đưa cho G. G nhận tiền, đi ra phía sau nhà bếp nơi cất giấu 12 gói Heroine trong ống nứa trên vách phía sau nhà bếp của gia đình rồi quay lại bếp đưa cho X 12 gói Heroine đều được gói ngoài bằng mảnh nilon màu trắng (Toàn bộ việc mua bán Heroine giữa X và G thì H1 biết và chứng kiến). Sau đó, X nhặt 01 mảnh nilon màu xanh trong bếp nhà G gói lại 12 gói Heroine và cất giấu trong túi áo khoác bên trái. Mua bán Heroine xong, H1 điều khiển xe chở X về nhà tại bản P, xã B, tỉnh Lai Châu.

Đến hồi 13 giờ 50 phút, cùng ngày khi H1 điều khiển xe mô tô chở X đi đến bản N, xã B, tỉnh Lai Châu thì gặp tổ công tác Công an xã B, tỉnh Lai Châu phối hợp với tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh L đang làm nhiệm vụ yêu cầu dừng xe để kiểm tra do nghi vấn phạm tội về ma túy. Qua kiểm tra, tổ công tác phát hiện trong túi áo khoác bên trái X đang mặc 12 gói Heroine đều được gói ngoài bằng mảnh nilon màu trắng gói trong 01 mảnh nilon màu xanh. Tại đây, X và H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Trước sự việc trên, tổ công tác đã mời người chứng kiến, đại diện chính quyền địa phương tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ lời khai Ly Chờ X và Ly Mé H1: Vào hồi 18 giờ 15 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã tiến hành khám xét khẩn cấp người và chỗ ở đối với Ly Hà G. Trước khi thực hiện khám xét tổ công tác đã yêu cầu Giá giao nộp những đồ vật, tài liệu liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật. Theo yêu cầu của tổ công tác Giá đã giao nộp cho tổ công tác số tiền 600.000 đồng (gồm 01 tờ tiền có mệnh giá 500.000 đồng; 02 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng) là tiền do bán Heroine cho X mà có. Tại đây, Ly Hà G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Kết luận giám định số 91/KL-KTHS ngày 12/01/2026 của phòng K Công an tỉnh L kết luận:

“Số chất bột, màu trắng thu giữ của Ly Chờ X, Ly Mé H1 có tổng khối lượng là 1,53 g (Một phẩy năm mươi ba gam).

12 (Mười hai) mẫu chất bột, màu trắng (Ký hiệu M1 đến M12) gửi giám định là ma túy, loại: Heroine (Heroin).”

Tại bản Kết luận giám định số 94/KL-KTHS ngày 13/01/2026 của phòng K Công an tỉnh L kết luận: “Tổng số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) bao gồm: 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá (năm trăm nghìn đồng) có mã số hiệu:

VN 17955023; 02 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng) có các mã số hiệu lần lượt là: XI 21128576, RF 22846005 gửi giám định là tiền thật.”

Tại bản cáo trạng số 22/CT- VKS- KV4 ngày 24/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lai Châu truy tố bị cáo **Ly Hà G** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Ly **Chờ X** và **Ly Mé H1** về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo **Ly Hà G** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng khoản 1, khoản 6 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo **Ly Hà G** từ 4 năm đến 4 năm 6 tháng tù, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định; Tuyên bố bị cáo **Ly Chờ X** và **Ly Mé H1** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), đề nghị xử phạt bị cáo **L1** Chờ Xá và Ly Mé Hù mỗi bị cáo từ 3 năm 6 tháng đến 4 năm tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định cho các bị cáo.

Xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 mảnh nilon màu xanh; 12 mảnh nilon màu trắng.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc xe mô tô không gắn biển kiểm soát, nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, số khung RLHJA3683RY106263, số máy JA36E1171109; 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*) có mã số hiệu: VN 17955023; 02 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 50.000 đồng (*năm mươi nghìn đồng*) có các mã số hiệu lần lượt là: XI 21128576, RF 22846005.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với nội dung bản cáo trạng, nội dung bản luận tội. Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai

báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự xem xét cho bị cáo **L1** Hà Giá mức án thấp nhất trong khoảng đề nghị của Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 50 Bộ luật hình sự xem xét cho các bị cáo **L1** Chờ Xá và Ly Mé Hừ mức án thấp nhất trong khoảng đề nghị của Viện kiểm sát. Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 xin miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo; Đề nghị áp dụng khoản 6 Điều 251 Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Ly Hà G**, khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo **Ly Chờ X** và **Ly Mé H1**, miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo. Xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Các bị cáo nhất trí với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát, bản luận cứ bào chữa của người bào chữa và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo mức án thấp nhất trong khoảng đề nghị của Viện kiểm sát.

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và mức án như đã đề nghị.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra **Công an tỉnh L**- Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lai Châu- Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp.

[2] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên Tòa và trong quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội phù hợp với lời khai nhận tội tại cơ quan điều tra, biên bản thu giữ, niêm phong vật chứng, kết luận giám định về chất ma túy, các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Tòa án đã có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 11 giờ ngày 09/01/2026, tại nhà ở của **Ly H** thuộc bản Đầu Nậm Xả, **xã B**, tỉnh Lai Châu, **Ly H** đã bán trái phép 12 gói Heroine có tổng khối lượng 1,53 gam với giá 600.000 đồng cho **L1** Chờ Xá để **X** mang về chia nhau sử dụng.

Ly Chờ X và **Ly M** Hừ cùng nhau bàn bạc, góp chung, điều khiển xe để tìm mua Heroine mang về chia nhau sử dụng. Sau đó, **X** sau khi mua được 1,53 gam Heroine của **G** rồi cùng **H1** mang về đến khu vực bản Nà Lang, **xã B** mục đích để mang về chia nhau sử dụng, nhưng chưa kịp chia nhau để sử dụng thì bị Tổ công tác **công an xã B** phát hiện bắt quả tang và thu giữ vật chứng vào hồi 13 giờ 50 phút cùng ngày. Như vậy, **Ly Chờ X** và **L** Hừ đồng phạm với nhau và phải chịu trách nhiệm về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với khối lượng Heroine là 1,53 gam.

Do đó hành vi của bị cáo **Ly Hà G** đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Các bị cáo **Ly Chờ X** và **Ly Mé H1** đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Hành vi nêu trên của các bị cáo **Ly Hà G**, **Ly C** và **Ly Mé H1** là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ, đó là chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và biết rõ hành vi phạm tội của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những trực tiếp hủy hoại sức khỏe con người, làm suy thoái giống nòi, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia mà còn là nguyên nhân chủ yếu làm gia tăng tội phạm khác.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội khó khăn. Nên cần cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo **Ly Chờ X**, **Ly Mé**

H1 đã chủ động, tích cực cung cấp thông tin cho cơ quan điều tra giúp phát hiện, chứng minh tội phạm, giải quyết vụ án nhanh hơn, nên cần áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối các bị cáo Ly Chờ X và Ly Mé H1.

Bị cáo Ly Hà G có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 62/2024/HSST ngày 23/5/2024 của TAND huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu (nay là TAND khu vực 4- Lai Châu) áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tính đến thời điểm phạm tội lần này, bị cáo chưa được xóa án tích, nên bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xét vai trò đồng phạm: Các bị cáo Ly Chờ X và Ly Mé H1: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bột phát. Các bị cáo cùng nhau góp tiền và cùng nhau đi mua ma túy về với mục đích để sử dụng. Nên khi quyết định hình phạt cho các bị cáo, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức án cho các bị cáo L1 Chờ Xá và Ly Mé H1 là như nhau.

Các bị cáo Ly Chờ X, Ly Mé H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và nhân thân của các bị cáo về hành vi phạm tội của mình. Hội đồng xét xử xét thấy cần có một mức án phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội đồng thời để nâng cao ý thức pháp luật trong nhân dân, đảm bảo công tác phòng ngừa chung cho xã hội. Do đó mức hình phạt như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là hoàn toàn phù hợp, cần chấp nhận.

Các bị cáo, Người bào chữa đề nghị xem xét cho các bị cáo mức án thấp nhất trong khoảng đề nghị của Viện kiểm sát là chưa phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Các bị cáo và người bào chữa đề nghị miễn hình phạt bổ sung, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo thì bị cáo đều sử dụng ma túy, không có tài sản để đảm bảo thi hành án, không có nghề nghiệp ổn định, đều thuộc hộ cận nghèo của UBND xã B, UBND xã B, tỉnh Lai Châu nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 6 Điều 251 và khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Những tình tiết khác liên quan đến vụ án:

Đối với nguồn gốc số Heroine: Bị cáo **Ly Hà G** khai nhận đã mua của một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch. Ngoài lời khai của bị cáo, không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh L** không có căn cứ để tiếp tục điều tra, làm rõ. Hội đồng xét xử chấp nhận và không đề cập giải quyết.

Quá trình điều tra xác định: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 09/01/2026. Ngày 09/01/2026 Cơ quan CSĐT - **Công an tỉnh L** đã tiến hành test nhanh ma túy đối với **Ly Hà G**, **Ly C** và **Ly Mé H1** (kết quả dương tính với chất ma túy) các bị cáo khai nhận đã sử dụng trái phép chất ma túy. Do **G**, **X**, **H1** không thuộc các đối tượng được quy định tại khoản 1, Điều 256a Bộ luật Hình sự nên các bị cáo không cấu thành tội phạm sử dụng trái phép chất ma túy. Cơ quan Công an đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với **G**, **X** và **H1**. Hội đồng xét xử chấp nhận và không đề cập giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 1,53 gam Heroine đã gửi hết đi giám định, không hoàn lại mẫu vật, nên không đề cập giải quyết. Đối với 12 mảnh nilon màu trắng; 01 mảnh nilon màu xanh, không còn giá trị sử dụng, cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc xe mô tô không gắn biển kiểm soát, nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, số khung RLHJA3683RY106263, số máy JA36E1171109 mang tên **Ly Chờ X**, đây là phương tiện các bị cáo **L1** Chờ Xá và Ly Mé **H1** dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; Đối với 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*) có mã số hiệu: VN 17955023; 02 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 50.000 đồng (*năm mươi nghìn đồng*) có các mã số hiệu lần lượt là: XI 21128576, RF 22846005. Đây là số tiền bị cáo **Ly Hà G** bán ma túy mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7] Án phí: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, các bị cáo thuộc hộ cận nghèo của **UBND xã B**, **UBND xã B**, tỉnh Lai Châu nên cần áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[8] Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, khoản 6 Điều 251; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đối với bị cáo **Ly Hà G**.

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; Điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đối với các bị cáo **Ly Chờ X**, **Ly Mé H**.

1. Tuyên bố bị cáo **Ly Hà G** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Các bị cáo **L1 Chờ Xá** và **Ly Mé H1** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo **Ly Hà G** 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/01/2026.

Xử phạt bị cáo **Ly Chờ X** 03 (ba) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/01/2026.

Xử phạt bị cáo **Ly Mé H1** 03 (ba) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/01/2026.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 mảnh nilon màu xanh; 12 mảnh nilon màu trắng.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) có mã số hiệu: VN 17955023; 02 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng) có các mã số hiệu lần lượt là: XI 21128576, RF 22846005; 01 chiếc xe mô tô không gắn biển kiểm soát, nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, số khung RLHJA3683RY106263, số máy JA36E1171109

3. Án phí HSST: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.
Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu (01);
- VKS ND tỉnh Lai Châu (01);
- VKSND Khu vực 4- Lai Châu (01);
- Phân trại tạm giam Mường Tè-
(01);
- PC 10; PV 06 CA tỉnh (02);
- Phòng THANDS Kv 4- Lai Châu
(01);
- Bị cáo; người bào chữa (04);
- Lưu HSVÀ (01);
- Lưu TA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Bình